

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẠC SƠN
TỈNH HOÀ BÌNH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án số: 59/2021/HS-ST

Ngày: 30-09-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC SƠN - TỈNH HOÀ BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Văn On;

Ông Bùi Văn Thiệu.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Bùi Văn Hương- Thư ký Toà án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa: ông Đinh thế Tâm- Kiểm sát viên sơ cấp thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

Ngày 30/09/2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 55/2021/TLST-HS ngày 13 tháng 09 năm 2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2021/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 09 năm 2021 đối với bị cáo:

Bùi Văn N, sinh ngày 12/02/1985 tại xã Ân Nghĩa, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Nơi cư trú: xóm C, xã Ân, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ văn hóa (học vấn) 05/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn Ngại và bà Quách Thị Nước; Vợ: Bùi Thị Tâm (đã ly hôn) và có 03 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 03/2021/HSST-LCDKNCT ngày 13/09/2021 của Toà án nhân dân huyện Lạc Sơn. Có mặt.

- Bị hại: Phạm Văn Hùng, sinh năm 1976. Địa chỉ: Đội 10, thôn 1, xã Thạch Long, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt;

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Vũ Thị Loan, sinh năm 1978. Địa chỉ: khu Thanh Bình, thị trấn Hàng Trạm, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình. Có mặt;

+ Bùi Văn Ngại, sinh năm 1957. Địa chỉ: xóm C, xã Ân, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Có mặt;

+ Phạm Như Dung, sinh năm 1986. Địa chỉ: phố Re, xã Ân Nghĩa, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt;

+ Giang Thị Thanh Hoa, sinh năm 1989. Địa chỉ: phố Re, xã Ân Nghĩa, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt;

- *Người làm chứng*: Vũ Văn Linh, sinh năm 1995. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Văn N và anh Phạm Văn Hùng có mối quan hệ quen biết nhau, anh Hùng thường sử dụng phương tiện là xe mô tô để ra nhà N chơi. Sáng ngày 08/5/2021, do không có tiền tiêu sài cá nhân, N đã gọi điện thoại rủ anh Hùng ra nhà mình chơi với ý định chiếm đoạt xe mô tô của anh Hùng. Khoảng 09 giờ 00 phút cùng ngày, anh Hùng đi xe mô tô biển kiểm soát 28F1 - 034.43 đến nhà N. N nói dối anh Hùng là mượn xe mô tô của anh Hùng để đi chợ nhưng thực chất là để đi cầm cố. Anh Hùng tin lời và giao xe cùng chìa khóa điện cho N. Sau đó, N đã điều khiển chiếc xe mô tô trên đến quán cầm đồ Anh Dũng của anh Phạm Như Dũng và chị Giang Thị Thanh Hoa, địa chỉ: Phố Re, Ân Nghĩa, Lạc Sơn, Hòa Bình vay số tiền 500.000đ và cầm cố xe của Hùng tại đó. Sau đó, N đi về nhà và nói dối anh Hùng là xe bị Cảnh sát giao thông Công huyện Lạc Sơn giữ và hẹn Hùng 10 ngày sau mới giải quyết lấy xe. Anh Hùng vẫn tin lời N và chờ ngày đến hẹn lấy xe về. Ngày 09/05/2021, N đến Quán cầm đồ Anh Dũng vay thêm 1.500.000đ và ngày 12/5/2021 vay thêm 2.000.000đ. Tổng cộng N vay của anh Dũng, chị Hoa là: 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng). Đến ngày 29/5/2021, sau nhiều lần liên lạc yêu cầu N trả lại chiếc xe mô tô biển kiểm soát 28F1 - 034.43 không được. Biết tin xe của mình đã bị N đem đi cầm cố và N đã bỏ đi khỏi địa phương nên anh Hùng đã làm đơn tố giác N đến Cơ quan Công an huyện Lạc Sơn. Ngày 10/6/2021, N đã đến Công an huyện Lạc Sơn đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của mình.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 09/KL-HĐĐGTS ngày 14/6/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Lạc Sơn đã kết luận: Chiếc xe mô tô 28F1 - 034.43 có giá trị hiện tại là: 3.126.933 đồng (Ba triệu, một trăm hai mươi sáu nghìn, chín trăm ba mươi ba đồng).

Quá trình điều tra, Bùi Văn N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân, phù hợp với các tài liệu, vật chứng đã thu giữ được.

Tại bản cáo trạng số: 53/CT-VKS, ngày 12/09/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình truy tố Bùi Văn N về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Thực hành quyền công tố tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Bùi Văn N từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Đối với Giang Thị Thanh Hoa và Phạm Như Dũng là người cho Bùi Văn N vay tiền và giữ lại xe mô tô biển kiểm soát 28F1 - 034.43 là vật chứng của vụ án. Khi đó chị Hoa, anh Dũng không biết chiếc xe mô tô trên do bị cáo phạm tội mà có. Do đó, đề nghị HĐXX không cấp xử lý hành vi của chị Hoa, anh Dũng trong vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Phạm Văn Hùng đã nhận lại tài sản là chiếc xe mô tô bị chiếm đoạt và không có yêu cầu gì; Ông Bùi Văn Ngại là bố đẻ của bị cáo N đã tự nguyện trả lại số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) là số tiền mà Bùi Văn N đã vay ở quán cầm đồ Anh Dũng ngày 08/5/2021, nay ông Ngại không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự với bị cáo; Chị Giang Thị Thanh Hoa và Phạm Như Dũng đã nhận đủ số tiền mà bị cáo vay và không có yêu cầu gì với bị cáo do đó đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án.

Về vật chứng: Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 28F1 – 034.43, xác định là tài sản thuộc quyền chủ sở hữu hợp pháp của anh Phạm Văn Hùng, xe có giấy đăng ký theo quy định. Xét thấy, không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình ra Quyết định xử lý vật chứng đã trả lại cho chủ sở hữu là anh Hùng. Việc xử lý vật chứng nêu trên là phù hợp khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự nên đề nghị HĐXX công nhận và không xem xét.

Bị cáo nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn và không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo không có lời bào chữa.

Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng:* Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại

phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] *Về hành vi phạm tội*: Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; lời khai bị hại; người làm chứng; biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp trong hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở kết luận:

Do bản thân lười lao động, muốn có tiền tiêu sai cá nhân nên ngày 08/5/2021, Bùi Văn N đã dùng thủ đoạn bằng lời nói gian dối để anh Phạm Văn Hùng tin tưởng giao tài sản của mình cho N để N thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt của anh Hùng 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE S, màu sơn đen-đỏ-bạc, BKS 28F1- 034.43, hiện giá trị còn lại là 3.126.933 đồng (Ba triệu một trăm hai mươi sáu nghìn chín trăm ba mươi ba đồng). Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật đã viện dẫn là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] *Về tính chất của hành vi phạm tội*: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến quyền sở hữu của người khác gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, ý thức rõ sự nguy hiểm của hành vi của mình gây ra nhưng vẫn cố tình thực hiện. Do đó, cần phải có hình thức xử lý phù hợp để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[4] *Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự*:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo tự nguyện đầu thú; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động ông Bùi Văn Ngại (là bố đẻ của bị cáo) chuộc lại chiếc xe mô tô mà bị cáo chiếm đoạt để trả lại cho bị hại và trả lại số tiền mà bị cáo đã vay ở quán cầm đồ Anh Dũng ngày 08/5/2021; bị cáo phạm tội lần đầu, ít nghiêm trọng; gia đình bị cáo thuộc diện gia đình hộ nghèo của xã Ân Nghĩa là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cần được xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm cho bị cáo trong quá trình lượng hình.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có.

Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo có khả năng tự cải tạo, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly khỏi xã hội mà cần cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích và phòng ngừa chung cho xã hội, đồng thời thể hiện tính nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, gia đình bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo, bản thân bị cáo không có nghề nghiệp ổn định. HĐXX quyết định không áp dụng

hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

[5] *Về trách nhiệm dân sự:* Bị hại Phạm Văn Hùng đã nhận lại tài sản là chiếc xe mô tô bị chiếm đoạt và không có yêu cầu gì; Ông Bùi Văn Ngại là bố đẻ của bị cáo N đã tự nguyện trả lại số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) là số tiền mà Bùi Văn N đã vay ở quán cầm đồ Anh Dũng ngày 08/5/2021, nay ông Ngại không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự với bị cáo; Chị Giang Thị Thanh Hoa và Phạm Như Dũng đã nhận đủ số tiền mà bị cáo vay và không có yêu cầu gì với bị cáo do đó HĐXX không xem xét giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án.

[6] *Về vật chứng:* *Về vật chứng:* Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 28F1 – 034.43, xác định là tài sản thuộc quyền chủ sở hữu hợp pháp của anh Phạm Văn Hùng, xe có giấy đăng ký theo quy định. Xét thấy, không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình ra Quyết định xử lý vật chứng đã trả lại cho chủ sở hữu là anh Hùng. Việc xử lý vật chứng nêu trên là phù hợp khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự nên HĐXX công nhận và không xem xét.

[7] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát về tội danh, hình phạt đối với bị cáo và các vấn đề khác.

[8] *Về án phí và quyền kháng cáo:* Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định các 331 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Bùi Văn N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về mức hình phạt: Xử phạt bị cáo Bùi Văn N 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án (ngày 30/09/2021).

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Ân Nghĩa, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của [Luật Thi hành án hình sự](#).

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Căn cứ các Điều 331 và 333 Bộ luật Hình sự: bị cáo, bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án hoặc trích lục bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai tại nơi cư trú của họ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- Sở tư pháp tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Lạc Sơn;
- CCTHADS huyện Lạc Sơn;
- Công an huyện Lạc Sơn;
- UBND xã Ân Nghĩa;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng

b. Đối với các tài sản khác: Trường hợp người phạm tội chiếm đoạt tài sản rồi bán tài sản đó, thì số tiền thu được do bán tài sản không bị tịch thu mà được trừ vào khoản phải bồi thường; nếu thiếu thì phải bồi thường thêm cho đủ, nếu còn thừa thì áp dụng điểm b khoản 1 Điều 41 BLHS tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền thừa đó.

– Đối với vật chứng là tiền bạc hoặc tài sản do phạm tội mà có thì được xử lý bằng biện pháp tịch thu sung quỹ Nhà nước. Tiền bạc, tài sản do phạm tội mà có là những tiền bạc, tài sản người phạm tội có được do thực hiện hành vi phạm tội **mà không phải là do chiếm đoạt được của người khác**. Ví dụ, tiền bạc, tài sản người phạm tội có được do buôn lậu, mua bán ma túy, kinh doanh trái phép, mua bán hàng giả... Bên cạnh đó, tiền bạc, tài sản do phạm tội mà có còn là tiền bạc, tài sản mà người phạm tội có được do chiếm đoạt tiền bạc, tài sản của người khác rồi sau đó dùng đầu tư vào lĩnh vực nào đó và có lợi nhuận. Ví dụ, một người chiếm đoạt tài sản là tiền rồi dùng tiền đó mua vé xổ số và trúng thưởng thì số tiền trúng thưởng xổ số đó cũng được xem là tiền bạc, tài sản do phạm tội mà có và sẽ bị tịch thu, sung quỹ Nhà nước.

2. Đối với công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội hoặc **tiền** thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của cá nhân, tổ chức khác bị người phạm tội chiếm đoạt hoặc **sử dụng trái phép**, thì không tịch thu mà được trả lại cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp (khoản 2 Điều 47 BLHS 2015). Trừ trường hợp cá nhân, tổ chức nêu trên có lỗi trong việc để người phạm tội sử dụng vào việc thực hiện tội phạm thì **có thể** bị tịch thu sung ngân sách nhà nước hoặc tiêu hủy (khoản 3 Điều 47 BLHS 2015).

khoản 3 Điều 47 BLHS 2015): Điều luật quy định "...có thể bị tịch thu" tức là cho phép Tòa án quyết định việc tịch thu hay không tịch thu. Trong trường hợp này, Tòa án cần xác định rõ lỗi của người có vật, tiền để người phạm tội sử dụng vào việc thực hiện tội phạm, ví dụ như sự thiếu trách nhiệm trong quản lý, sử dụng và bảo vệ tài sản của mình để người phạm tội sử dụng làm công cụ, phương tiện thực hiện tội phạm thì ngoài việc có thể bị tịch thu tiền, vật, hành vi của chủ sở hữu tài sản còn có thể xem xét để xác định vai trò đồng phạm – giúp sức về vật chất.

HỘI THẨM NHÂN DÂN.

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Văn Quyết Bùi Văn Ôn

Lê Thị Hồng

Mẫu số 27-HS(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐTP ngày 19 tháng 9 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN⁽¹⁾.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:...../.....⁽²⁾/HS-ST
Ngày.....-.....-.....⁽³⁾

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN.....⁽⁴⁾

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:⁽⁵⁾

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông (Bà).....

Thẩm phán: Ông (Bà).....

Các Hội thẩm nhân dân (quân nhân):

Ông (Bà)

.....
Ông (Bà)

.....
Ông (Bà)

.....
- **Thư ký phiên tòa:** Ông (Bà).....⁽⁶⁾

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân**⁽⁷⁾.....**tham gia phiên tòa:**

Ông (Bà)..... - Kiểm sát viên.

Trong các ngày..... tháng..... năm.....⁽⁸⁾ tại.....⁽⁹⁾
xét xử sơ thẩm công khai⁽¹⁰⁾ vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: .../.../TLST-HS
ngày... tháng... năm... theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: .../.../QĐXXST-HS
ngày... tháng... năm... đối với bị cáo (bị cáo):

⁽¹¹⁾sinh ngày..... tháng..... năm..... tại

.....
Nơi cư trú.....; nghề nghiệp.....; trình độ văn hoá (học
vấn).....; dân tộc:.....; giới tính:.....; tôn giáo:.....; quốc tịch:.....;
con ông..... và bà.....; có vợ (chồng) và..... con;⁽¹²⁾ tiền
án....., tiền sự.....; nhân thân.....; bị bắt, tạm giam ngày⁽¹³⁾.....

- **Người đại diện hợp pháp của bị cáo:**⁽¹⁴⁾

Ông (Bà).....sinh năm (hoặc tuổi).....; nơi cư trú.....,
nghề nghiệp..... là⁽¹⁵⁾.....

- **Người bào chữa cho bị cáo:**⁽¹⁶⁾.....

.....
- **Bị hại:**⁽¹⁷⁾.....

.....
- **Người đại diện hợp pháp của bị hại:**⁽¹⁸⁾.....

.....
- **Nguyên đơn dân sự:**⁽¹⁹⁾.....

.....
- **Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự:**⁽²⁰⁾.....

.....
- **Bị đơn dân sự:**⁽²¹⁾.....

.....
- **Người đại diện hợp pháp của bị đơn dân sự:**⁽²²⁾.....

.....
- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**⁽²³⁾.....

.....
- **Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan
đến vụ án:**⁽²⁴⁾.....

.....
- **Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại (nguyên đơn dân
sự,.....):**⁽²⁵⁾.....

.....
- *Người tham gia tố tụng khác:*⁽²⁶⁾.....
.....

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:⁽²⁷⁾

.....
.....
.....
.....

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:⁽²⁸⁾

[1].....
.....

[2].....
.....

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào⁽²⁹⁾.....
.....

(30).....
.....

(31).....
.....

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xóa án.

Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xoá. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**HỘI THẨM NHÂN DÂN
PHIÊN TÒA**

CHỦ TỌA

1. Bùi Văn Thiệu 2. Bùi Văn Tấn Nguyễn Thị Thanh Hoa

